

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường

Chương: 426

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày...../...../2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý Đất đai	Chi cục Biển và Hải đảo	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT	VP đăng ký đất đai và các VP CN	TT Quan trắc môi trường
1	2	3	4=5+6+	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	36.431	127.531	20.622	1.651	0	0	0	36	105.222	0
I	Số thu phí, lệ phí	53.439	53.439	100	710				18	52.611	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	34.549	34.549	65	290				11	34.183	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	18.890	18.890	35	420	0	0	0	7	18.428	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	36.431	47.051	20.622	1.651	1.822	8.556	9.320	4.192	850	38
I	Nguồn ngân sách trong nước	36.431	47.051	20.622	1.651	1.822	8.556	9.320	4.192	850	38
1	Chi quản lý hành chính	10.421	17.602	5.232	1.651	1.822	1.716	4.660	2.096	425	
a.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.983	13.049	4.420	1.594	1.760	1.209	2.543	1.523		
a.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	202	269	94	39	42	27	34	33		
a.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.236	1.448	718	18	20	480	2.083	540	425	0
	Bổ sung chế độ Lễ, tết nguyên đán	92	304	42	18	20	12	36	20	156	
	Kinh phí tập huấn và kiểm tra khoáng sản	135	135	135							
	Trang phục thanh tra và kinh phí tiếp công dân	65	65	65							
	Tổ chức các đoàn thanh kiểm tra	90	90	90							
	Tổ chức đối thoại doanh nghiệp	11	11	11							
	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi QĐ 29/2014/QĐ-UBND)	30	30	30							

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý Đất đai	Chi cục Biển và Hải đảo	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT	VP đăng ký đất đai và các VP CN	TT Quan trắc môi trường
	Các hoạt động công tác giá đất	90	90	90							
	Tuyên truyền ngày nước, KTTG, kinh phí kiểm tra hoạt động tài nguyên nước	135	135	135							
	Đo đạc xác định diện tích đất phục vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai TTLT 39/2011/TTLT-BTNMT-BTC ngày 15/11/2011	90	90	90							
	Tổ chức tuần lễ biển đảo	126	126				126				
	Thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển	137	137				137				
	Kinh phí phục vụ hoạt động giao khu vực biển (theo Nghị định 51/20124/NĐ-CP)	49	49	49			49				
	Cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi giấy phép nhận chìm ở biển theo Nghị định 40/2016/NĐ-CP	66	66				66				
	Tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	30	30	30							
	Thẩm định và giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển Nghị định 51/2014/NĐ-CP (năm 2022 dự kiến 20 hồ sơ)	90	90				90				
2	Chi hoạt động kinh tế	25.991	29.430	15.390	0	0	6.840	4.660	2.096	425	19
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.066	4.066					2.543	1.523		

